

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**TỔNG CÔNG TY
CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 52

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP, tiền thân là Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập vào năm 1996. Đến năm 2003, theo Quyết định số 67/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11/6/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hai Tổng Công ty chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ điện và xây dựng công trình là Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi và Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 được sáp nhập thành Tổng Công ty Cơ điện - Xây dựng - Nông nghiệp và Thủy lợi (AGRIMECO). Tổng Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102887 ngày 09 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội 02 lần cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 024 66.742.798
- Fax : 024 38.615.706

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng Công ty trong kỳ bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Lê Văn An	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Đồng Tuấn Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Tuấn Anh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thu Hoài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lê Thị Hằng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Tam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thu Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Văn An	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Lương Công Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022
Ông Đỗ Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022
Ông Phạm Bảo Long	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023
Ông Lê Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thu Hoài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thu Huyền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2023
Bà Trần Thu Thủy	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn An – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Lê Văn An

Ngày 01 tháng 8 năm 2023

S-C
ẤN
T
H
VÀ
C
À N
- TT

Số: 2.0490/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 01 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

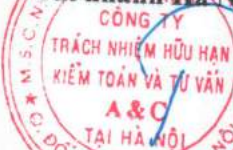
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Trần Kim Anh - Thành viên Ban Giám đốc**

Người được uỷ quyền

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		682.315.543.196	704.151.457.994
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25.518.224.331	29.342.002.125
1. Tiền	111		15.218.224.331	24.342.002.125
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.300.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	2.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		366.170.918.811	369.011.065.550
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	201.382.008.142	196.835.944.321
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	54.342.892.486	64.678.557.666
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	99.888.412.006	97.126.201.401
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	98.556.066.080	86.702.120.319
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(88.342.585.103)	(76.675.883.357)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		344.125.200	344.125.200
IV. Hàng tồn kho	140		229.090.046.226	244.633.162.995
1. Hàng tồn kho	141	V.8	229.090.046.226	244.633.162.995
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		59.536.353.828	61.165.227.324
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.599.906.721	2.121.704.756
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		56.929.193.419	59.036.840.750
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	7.253.688	6.681.818
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.167.279.040.747	2.152.242.852.495
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.767.874.187	4.615.439.187
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	5.767.874.187	4.615.439.187
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		719.802.897.677	751.592.333.713
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	719.802.897.677	751.592.333.713
<i>Nguyên giá</i>	222		1.239.028.131.046	1.237.270.492.864
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(519.225.233.369)	(485.678.159.151)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		2.665.500.000	2.665.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.665.500.000)	(2.665.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.032.942.312.271	982.857.042.635
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.032.942.312.271	982.857.042.635
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		403.444.246.352	407.328.511.842
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	208.445.627.197	201.420.002.875
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	280.928.443.866	280.928.443.866
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(85.929.824.711)	(75.019.934.899)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.321.710.260	5.849.525.118
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.760.818.554	3.219.420.123
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21a	2.560.891.706	2.630.104.995
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.849.594.583.943	2.856.394.310.489

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.193.438.929.569	2.191.705.782.826
I. Nợ ngắn hạn	310		702.668.198.031	698.582.523.922
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	105.158.087.095	112.916.864.070
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	340.203.358.649	341.513.026.010
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	13.292.428.899	11.727.235.477
4. Phải trả người lao động	314		6.227.324.902	9.053.717.049
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	19.226.516.379	17.973.360.113
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	16.269.257	65.077.035
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	98.994.107.990	79.201.717.217
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	96.519.220.138	102.197.886.781
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	23.030.884.722	23.933.640.170
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.490.770.731.538	1.493.123.258.904
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	116.920.390.794	127.068.887.609
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	152.784.824.000	152.784.824.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	1.217.949.658.448	1.209.567.672.446
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21b	3.115.858.296	3.701.874.849
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		656.155.654.374	664.688.527.663
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	650.170.846.896	658.703.720.185
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(54.331.026.750)	(54.331.026.750)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.937.804.283	66.937.804.283
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		316.880.996.602	330.358.670.743
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		311.651.808.600	330.358.670.743
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.229.188.002	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		105.683.072.761	100.738.271.909
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.984.807.478	5.984.807.478
1. Nguồn kinh phí	431		5.984.807.478	5.984.807.478
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.849.594.583.943	2.856.394.310.489

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 01 tháng 8 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thu Thủy



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Nguyên minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	138.806.475.708	100.285.539.038
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		138.806.475.708	100.285.539.038
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	85.334.468.229	59.865.101.466
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.472.007.479	40.420.437.572
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.056.660.913	7.774.715.036
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.135.144.344	17.115.979.682
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.224.701.616	16.541.060.574
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		16.110.155.322	10.273.377.505
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	30.813.975.770	21.771.266.010
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.689.703.600	19.581.284.421
12. Thu nhập khác	31	VI.6	103.540.587	183.100.307
13. Chi phí khác	32	VI.7	165.515.870	180.933.368
14. Lợi nhuận khác	40		(61.975.283)	2.166.939
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.627.728.317	19.583.451.360
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	2.177.769.814	1.674.050.603
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(516.803.264)	199.085.103
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.966.761.767</u>	<u>17.710.315.654</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	V.22	<u>5.229.188.002</u>	<u>15.789.538.660</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.22	<u>2.737.573.765</u>	<u>1.920.776.994</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>270</u>	<u>798</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>270</u>	<u>798</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thu Thủy

Lập, ngày 01 tháng 8 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Văn An

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.627.728.317	19.583.451.360
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	33.547.074.218	28.684.563.123
- Các khoản dự phòng	03	VI.4, VI.5	22.576.591.558	5.497.056.763
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(96.828.697)	(1.685.873.715)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21.081.967.353)	(16.135.602.427)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	23.224.701.616	16.541.060.574
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		67.797.299.659	52.484.655.678
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.329.932.151	(15.706.001.991)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.543.116.769	(16.274.884.287)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(20.009.377.028)	(10.924.930.180)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(19.600.396)	(568.382.407)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(22.946.245.739)	(17.089.151.017)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3.198.852.167)	(447.711.273)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.278.700.000)	(1.030.989.800)
			40.217.573.249	(9.557.395.277)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(51.842.907.818)	(132.724.303.926)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(17.000.000.000)	(3.500.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		12.237.789.395	2.700.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.737.131.912)	21.751.051.958
			(61.342.250.335)	(111.773.251.968)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6.999.999.998	13.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	96.523.553.852	185.264.410.239
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(84.764.063.929)	(126.102.410.355)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.458.713.650)	(76.770.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.300.776.271	72.085.229.883
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.823.900.815)	(49.245.417.362)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	29.342.002.125	23.376.993.432
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		123.021	2.400.592
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	25.518.224.331	(25.866.023.338)

Lập, ngày 01 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thu Thủy





 Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là xây lắp và chế tạo cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 6 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Trong đó, 4 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này (Xem Thuyết minh I.5a). Công ty TNHH Thủy điện Bàn Mòng đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 2901905544 ngày 10 tháng 10 năm 2017 nhưng chưa đi vào hoạt động, Công ty mẹ chưa góp vốn. Do đó, Công ty con này không phát sinh số liệu phải hợp nhất trong kỳ.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con có hình thức sở hữu vốn là công ty TNHH Một thành viên

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Điện Sông Mực (*)	Thôn Xuân Lai, xã Hải Vân, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	90,00%	90,00%	100%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Các công ty con khác (có hình thức sở hữu vốn là công ty cổ phần)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung	Xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92,68%	92,68%	92,68%
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi (*)	Tổ 1, thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	48,05%	48,05%	53,66%
Công ty Cổ phần Điện tái tạo AHP (*)	Số 215 Đường Ngọc Hồi, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	40,00%	40,00%	51,00%
Công ty CP Thủy điện Vũ Quang	Tổ 1, Thị Trấn Vũ Quang, Huyện Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	51,00%	51,00%	51,00%

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Tổ 21, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng	42,89%	42,89%	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Km Số 9, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Cơ điện và xây dựng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Số 20 đường Trần Nhật Duật, phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Xây dựng công trình	27,11%	27,11%	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Phố Vũ, Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng công trình	29,28%	29,28%	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	24A Nguyễn Cư Trinh, phường Thuận Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng công trình	47,20%	47,20%	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Cơ điện	25,58%	25,58%	46,39%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 (*)	220 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ khí và xây lắp	28,95%	28,95%	44,45%
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Khu Pheo, nhà điều hành sân Golf Hòa Bình-Geleximco, thị trấn Kỳ Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	20,00%	20,00%	20,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	Số 55 Trần Nhật Duật, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ điện và xây dựng	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Đaksrông (*)	Làng Bằng, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,57%	38,57%	39,77%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện (*)	Số nhà 56, ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc	44,77%	44,77%	49,64%
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	Số 14 ngõ 649 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Nhập khẩu thiết bị cho các Dự án Thủy điện	34,00%	34,00%	34,00%
Công ty Cổ phần Agreeensteel – Việt Nam	Số 6 Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Vận chuyển, buôn bán vật liệu	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm thép	50,00%	50,00%	50,00%

(*) Một số Công ty có tỷ lệ lợi ích nhỏ hơn tỷ lệ quyền biểu quyết do có các cá nhân ủy thác đầu tư và Công ty mẹ được hưởng quyền biểu quyết (Xem thuyết minh V.18b).

5c. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 (*)	Tầng 2, tòa nhà Vinamilk, số 4, đại lộ Lê Nin, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây dựng	36,18%	36,18%	36,18%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh (*)	Bản Chuông, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư dự án thủy điện	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo (*)	Km 18 Quốc Lộ 5A, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đầu tư dự án khu công nghiệp cơ khí năng lượng	46,00%	46,00%	46,00%

(*) Công ty mẹ không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty trên để phục vụ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5d. Tình hình hoạt động của các Công ty con

Công ty TNHH Thủy điện Bản Mòng chưa đi vào hoạt động. Toàn bộ hoạt động đầu tư Dự án Thủy điện Bản Mòng được Công ty mẹ trực tiếp thực hiện (xem Thuyết minh V.12).

Công ty Cổ phần Điện tái tạo AHP và Công ty CP Thủy điện Vũ Quang đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

102
IH
Y
TU H
TU V
01
H

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.



TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40
Máy móc và thiết bị	2 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 5
Tài sản cố định khác	2 – 8

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận khi người mua xác nhận sản lượng điện tiêu thụ, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.292.915.492	1.424.007.654
Tiền gửi ngân hàng	12.925.308.839	22.917.994.471
Các khoản tương đương tiền	10.300.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>25.518.224.331</u>	<u>29.342.002.125</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 8,5%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư	Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư
Các công ty được phân ánh theo phương pháp Vốn chủ sở hữu		Cộng		Cộng
Công ty Cổ phần Xây dựng 25 ⁽¹⁾	4.203.700.000	(4.203.700.000)	4.203.700.000	(4.203.700.000)
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng ⁽¹⁾	22.080.000.000	(9.627.483.405)	22.080.000.000	(10.754.545.279)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng ⁽¹⁾	2.439.680.000	(616.067.793)	2.439.680.000	(616.067.793)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1 ⁽¹⁾	6.028.780.000	3.737.257.023	6.028.780.000	3.737.257.023
Công ty Cổ phần Xây dựng 26 ⁽¹⁾	7.079.880.000	1.267.842.877	7.079.880.000	1.208.754.014
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi ⁽¹⁾	9.357.100.000	1.015.392.468	9.357.100.000	1.067.263.457
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ⁽¹⁾	6.667.000.000	10.284.321.938	6.667.000.000	10.267.295.566
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình ⁽¹⁾	4.000.000.000	(393.540.668)	4.000.000.000	(393.540.668)
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương ⁽¹⁾	2.600.000.000	505.861.735	2.600.000.000	505.861.735
Công ty Cổ phần Đakrông ⁽¹⁾	26.700.000.000	37.157.828.156	26.700.000.000	31.989.475.872
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện ⁽¹⁾	14.892.300.000	29.514.276.020	14.892.300.000	28.618.176.974
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam ⁽¹⁾	1.200.000.000	242.189.991	1.200.000.000	123.004.294
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu ⁽¹⁾	6.800.000.000	(116.219.440)	6.800.000.000	7.374.409
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE ⁽¹⁾	22.125.000.000	(14.641.852.990)	22.125.000.000	(14.456.128.014)
Các công ty được phân ánh theo phương pháp giá gốc				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 ⁽¹⁾	7.236.191.473	-	7.236.191.473	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh ⁽¹⁾	1.796.036.596	-	1.796.036.596	-
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo ⁽¹⁾	9.113.853.216	-	9.113.853.216	-
Cộng	154.319.521.285	54.126.105.912	154.319.521.285	47.100.481.590
		208.445.627.197		201.420.002.875

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư sau không thay đổi so với số đầu năm:

Tên Công ty	Số Cổ phần	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	420.370	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	2.208.000	46,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	723.619	36,18%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	243.968	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	878.360	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	707.988	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	935.710	25,58%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	888.933	28,95%
Công ty Cổ phần Thủy điện tái tạo Hòa Bình	400.000	20,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	260.000	40,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	179.604	50,00%
Công ty Cổ phần Đakrông	4.859.400	38,57%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.489.230	44,77%
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	911.385	46,00%
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	120.000	30,00%
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	680.000	34,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE		50,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCĐ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tổng công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Công ty liên kết phân phối lợi nhuận	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Xây dựng 25 (*)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	11.325.454.721	1.127.061.874	-	-	12.452.516.595
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng ^(*)	1.823.612.207	-	-	-	1.823.612.207
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1 ^(*)	9.766.037.023	-	-	-	9.766.037.023
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	8.288.634.014	59.088.863	-	-	8.347.722.877
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	10.424.363.457	(51.870.989)	-	-	10.372.492.468
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	16.934.295.566	17.026.372	-	-	16.951.321.938
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình ⁽ⁱⁱ⁾ (*)	3.606.459.332	-	-	-	3.606.459.332
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương ^(*)	3.105.861.735	-	-	-	3.105.861.735
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh ⁽ⁱ⁾ (*)	1.796.036.596	-	-	-	1.796.036.596
Công ty Cổ phần Đakrông ^(*)	58.689.475.872	11.749.397.104	(7.069.881.000)	488.836.180	63.857.828.156
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	43.510.476.974	3.604.962.273	(2.014.650.000)	(694.213.227)	44.406.576.020
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo ⁽ⁱ⁾ (*)	9.113.853.216	-	-	-	9.113.853.216
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	1.323.004.294	119.185.697	-	-	1.442.189.991
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	6.807.374.409	(123.593.849)	-	-	6.683.780.560
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	7.668.871.986	(185.724.976)	-	-	7.483.147.010
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 ^(*)	7.236.191.473	-	-	-	7.236.191.473
Cộng	201.420.002.875	16.315.532.369	(9.084.531.000)	(205.377.047)	208.445.627.197

⁽ⁱ⁾ Các Công ty đang ngừng hoạt động nên không có kết quả kinh doanh trong kỳ.

⁽ⁱⁱ⁾ Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Công ty liên kết sau hiện đang ngừng hoạt động:

- Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình và Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu

Các công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	-	.934.020.360
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	-	310.287.210
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1		
Giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	39.070.934	1.953.806.617
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	-	618.619.120
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	-	935.710.000
<i>Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác</i>	-	419.690.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276		
Chi phí lãi vay phải trả Công ty liên kết	3.060.360.414	3.133.854.764
Chi phí lãi vay đã trả Công ty liên kết	2.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đakrông		
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	7.289.100.000	17.007.900.000
<i>Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác</i>	218.400.000	509.600.000
Nhận chuyển nhượng cổ phần	6.056.170.564	-
Chi phí lãi vay phải trả Công ty liên kết	61.338.272	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện		
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	2.233.845.000	2.233.845.000
<i>Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác</i>	219.271.500	219.271.500
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	-	870.751.250
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	3.014.993.425	2.079.022.739
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.888.627.552	2.590.399.066
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu		
Cho Công ty liên kết vay	3.000.000.000	-
Lãi vay phải thu Công ty liên kết	126.436.634	-

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tổng Công ty đã dùng 3.780.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đakrông để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 1.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (*)	1.723.110.000	(749.704.000)	1.723.110.000	(749.704.000)
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy Lợi II (*)	3.048.650.000	(3.048.650.000)	3.048.650.000	(3.048.650.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	206.666.690	-	206.666.690	-
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam(*)	4.665.700.000	-	4.665.700.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng và Hợp tác lao động(*)	384.317.176	-	384.317.176	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (*)	270.300.000.000	(63.385.389.426)	270.300.000.000	(63.385.389.426)
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18 (*)	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Cộng	280.928.443.866	(67.783.743.426)	280.928.443.866	(67.783.743.426)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm:

Tên Công ty	Số lượng cổ phần	Giá trị hợp lý tại 30/6/2023
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	302.300	975.604.545
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	24.000	620.945.455

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

2d. Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

(*) Đơn vị nhận vốn góp trên không thực hiện lập/không cung cấp báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Do đó tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty thực hiện xem xét dự phòng dựa trên số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do các đơn vị nhận góp vốn lập và cung cấp.

Đối với các khoản đầu tư còn lại được xem xét dự phòng dựa trên số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của đơn vị tự lập/đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	75.019.934.899	85.917.732.252
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	10.909.889.812	574.370.000
Số cuối kỳ (**)	85.929.824.711	86.492.102.252

(**) Trong đó, số dự phòng cho các khoản góp vốn vào đơn vị khác là 67.783.743.426 VND, số dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty liên kết không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24) là 18.146.081.285 VND.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2e. Cam kết về thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 02 tháng 4 năm 2021, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng (Công ty liên kết) cho Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long đã chuyển tiền ứng trước một phần giá trị hợp đồng (xem thuyết minh V.15). Theo thỏa thuận hợp đồng, các bên sẽ hoàn thành thủ tục chuyển nhượng trong vòng 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long đang tiếp tục rà soát sổ sách của Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng trước khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần tại Công ty này.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	1.854.391.528	6.112.962.704
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000	281.469.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	557.872.514	557.872.514
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	-	4.258.571.176
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	1.015.050.014	1.015.050.014
Phải thu các khách hàng khác	199.527.616.614	190.722.981.617
Ban quản lý dự án thủy điện Sông bung 2	25.817.736.800	25.817.736.800
Power Machines	90.764.596.640	90.648.281.480
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	46.608.535.714	28.403.168.605
Các khách hàng khác	36.336.747.460	45.853.794.732
Cộng	201.382.008.142	196.835.944.321

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	6.973.708.152	14.544.173.925
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	4.788.725.531	4.788.725.531
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	-	1.321.608.282
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	944.627.012	4.552.647.627
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	343.251.100	343.251.100
Công ty Cổ phần Agreesteel - Việt Nam	497.104.509	3.137.941.385
Trả trước cho người bán khác	47.369.184.334	50.134.383.741
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Sản phẩm Công nghiệp Quốc tế	17.159.292.930	17.159.292.930
Các nhà cung cấp khác	30.209.891.404	32.975.090.811
Cộng	54.342.892.486	64.678.557.666

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	98.388.412.006	86.726.201.401
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (lãi suất 10,5%/năm)	90.572.987.833	85.910.777.228
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh (lãi suất 6%/năm)	815.424.173	815.424.173
Công ty Cổ phần Thương mại và Năng lượng Công nghệ Châu Âu (lãi suất từ 4,6%/năm đến 10,02%/năm)	7.000.000.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.500.000.000	10.400.000.000
Cho Công ty TNHH Thiết bị Thuận Phát vay với lãi suất 8%/năm	1.500.000.000	1.500.000.000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	-	8.900.000.000
Cộng	99.888.412.006	97.126.201.401

Chi tiết số phát sinh khoản cho vay trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	97.126.201.401	104.813.157.767
Cho vay	17.000.000.000	-
Thu hồi gốc cho vay	(14.237.789.395)	-
Số cuối kỳ	99.888.412.006	104.813.157.767

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	31.049.364.586	(5.908.027.428)	27.445.111.755	(5.908.027.428)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	17.664.127.640	(1.700.000.000)	17.664.127.640	(1.700.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	4.565.101.877	(3.800.000.000)	4.565.101.877	(3.800.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi 1	3.525.286.540	-	3.120.434.540	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	8.106.450	-	8.106.450	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	166.578.807	-	166.578.807	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	126.018.752	(126.018.752)
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	2.478.290.844	-	1.512.735.013	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	2.233.845.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	67.506.701.494	(11.178.894.148)	59.257.008.564	(11.178.894.148)
Tạm ứng	31.602.782.118	(6.699.633.315)	25.965.629.936	(6.699.633.315)
Ký cược, ký quỹ	2.246.454.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	8.615.873.937	-	8.615.873.937	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	54.049.315	-	5.528.767	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	24.987.542.124	(4.479.260.833)	24.669.975.924	(4.479.260.833)
Cộng	98.556.066.080	(17.086.921.576)	86.702.120.319	(17.086.921.576)

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mông ⁽¹⁾	4.302.999.187	4.302.999.187
Ký cược, ký quỹ khác	1.464.875.000	312.440.000
Cộng	5.767.874.187	4.615.439.187

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (1) Là khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mòng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An theo thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 141/TT-SKHĐT ngày 10 tháng 11 năm 2017.

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan	6.189.496.428	(6.189.496.428)	6.189.496.428	(6.189.496.428)
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.981.469.000	(1.981.469.000)	1.981.469.000	(1.981.469.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	126.018.752	(126.018.752)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	3.800.000.000	(3.800.000.000)	3.800.000.000	(3.800.000.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	106.631.876.090	(82.153.088.675)	106.631.876.090	(70.486.386.929)
Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	1.184.062.138	(1.184.062.138)	1.184.062.138	(1.184.062.138)
Power Machines	90.648.281.480	(66.169.494.065)	90.648.281.480	(54.718.216.492)
Tạm ứng	6.699.633.315	(6.699.633.315)	6.699.633.315	(6.699.633.315)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.099.899.157	(8.099.899.157)	8.099.899.157	(7.884.474.984)
Cộng	112.821.372.518	(88.342.585.103)	112.821.372.518	(76.675.883.357)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	76.675.883.357	67.183.293.409
Trích lập dự phòng bổ sung	11.666.701.746	4.922.686.763
Số cuối kỳ	88.342.585.103	72.105.980.172

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.132.495.821	-	49.579.742.162	-
Công cụ, dụng cụ	990.392.249	-	1.043.398.228	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	152.622.083.063	-	153.664.947.512	-
Thành phẩm	2.321.646.031	-	2.321.646.031	-
Hàng hóa	38.023.429.062	-	38.023.429.062	-
Cộng	229.090.046.226	-	244.633.162.995	-

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	82.528.649	97.573.577
Chi phí bảo hiểm	764.503.412	240.022.784
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.752.874.660	1.784.108.395
Cộng	2.599.906.721	2.121.704.756

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	551.618.506	682.616.779
Chi phí sửa chữa	1.511.394.359	1.960.696.859
Các chi phí trả trước dài hạn khác	697.805.689	576.106.485
Cộng	<u>2.760.818.554</u>	<u>3.219.420.123</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCPC

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	271.279.533.965	620.575.122.246	340.039.635.595	812.538.575	4.563.662.482	1.237.270.492.864
Mua trong kỳ	-	400.000.000	1.357.638.182	-	-	1.757.638.182
Số cuối kỳ	<u>271.279.533.965</u>	<u>620.975.122.246</u>	<u>341.397.273.777</u>	<u>812.538.575</u>	<u>4.563.662.482</u>	<u>1.239.028.131.046</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	50.665.866.852	64.114.989.490	12.765.905.503	601.012.001	524.706.613	128.672.480.459
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	79.363.085.018	219.577.693.804	185.376.175.656	745.924.420	615.280.254	485.678.159.151
Khấu hao trong kỳ	3.619.856.139	16.058.840.326	13.595.258.319	18.340.527	254.778.908	33.547.074.218
Số cuối kỳ	<u>82.982.941.157</u>	<u>235.636.534.129</u>	<u>198.971.433.974</u>	<u>764.264.947</u>	<u>870.059.162</u>	<u>519.225.233.369</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	191.916.448.947	400.997.428.443	154.663.459.939	66.614.155	3.948.382.228	751.592.333.713
Số cuối kỳ	<u>188.296.592.808</u>	<u>385.338.588.117</u>	<u>142.425.839.803</u>	<u>48.273.628</u>	<u>3.693.603.320</u>	<u>719.802.897.677</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 709.921.462.269 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	129.892.400	1.287.036.500	1.416.928.900
Xây dựng cơ bản dở dang	982.727.150.235	48.798.233.136	1.031.525.383.371
Công trình Thủy điện Bản Mòng	973.610.608.514	44.387.150.863	1.017.997.759.377
Công trình Thủy điện Ngàn Trươi	3.627.760.562	3.389.405.059	7.017.165.621
Công trình khác	5.488.781.159	1.021.677.214	6.510.458.373
Cộng	982.857.042.635	50.085.269.636	1.032.942.312.271

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ tại Công trình Thủy điện Bản Mòng là 36.165.686.979 VND (cùng kỳ năm trước là 28.370.075.808 VND).

Tài sản phát sinh từ công trình Thủy điện Bản Mòng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Sở giao dịch 1.

13. Phải trả người bán**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	22.544.200.982	27.004.755.070
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	3.375.408.337	3.375.408.337
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	8.827.272.688	8.827.272.688
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	775.331.157	775.331.157
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	1.610.410.524	3.756.697.184
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	216.985.213	216.985.213
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	7.738.793.063	6.678.432.649
Công ty Cổ phần Agreesteel - Việt Nam	-	3.374.627.842
Phải trả các nhà cung cấp khác	82.613.886.113	85.912.109.000
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	29.351.809.960	29.354.567.960
Voith Hydro Private Limited	19.790.820.000	19.753.290.000
Các nhà cung cấp khác	33.471.256.153	36.804.251.040
Cộng	105.158.087.095	112.916.864.070

13b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	14.275.118.315	19.243.818.146
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	4.221.642.825	4.221.642.825
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.560.765.249	2.560.765.249
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	6.363.063.645	7.723.742.861
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	1.129.646.596	4.737.667.211
Phải trả các nhà cung cấp khác	102.645.272.479	107.825.069.463
Công ty TNHH Andritz (China) Ltd	32.082.217.519	35.598.724.069
Các nhà cung cấp khác	70.563.054.960	72.226.345.394
Cộng	116.920.390.794	127.068.887.609

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	730.695.699	-
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	730.695.699	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	339.472.662.950	341.513.026.010
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	251.098.855.249	249.316.311.764
Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long ⁽ⁱ⁾	68.394.820.664	68.394.820.664
Các khách hàng khác	19.978.987.037	23.801.893.582
Cộng	<u>340.203.358.649</u>	<u>341.513.026.010</u>

- (i) Khoản tiền trả trước của Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long theo Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng (Công ty liên kết).



TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.402.196.416	5.806.818	9.071.809.992	(5.738.631.834)	4.735.374.574	5.806.818
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.225.823.321	875.000	2.177.769.814	(3.198.852.167)	2.204.740.968	875.000
Thuế thu nhập cá nhân	788.805.488	-	749.242.289	(1.389.293.499)	149.326.148	571.870
Thuế tài nguyên	1.671.792.542	-	5.474.167.333	(6.484.940.054)	661.019.821	-
Thuế nhà đất	-	-	24.654.949	(24.654.949)	-	-
Tiền thuế đất	276.980.200	-	2.006.622.850	-	2.283.603.050	-
Phí môi trường rừng	2.115.258.588	-	1.956.380.832	(3.059.654.004)	1.011.985.416	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	858.476.500	(858.476.500)	-	-
Lệ phí môn bài	1.000.000	-	22.000.000	(22.000.000)	1.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.245.378.922	-	195.795.137	(195.795.137)	2.245.378.922	-
Cộng	11.727.235.477	6.681.818	22.536.919.696	(20.972.298.144)	13.292.428.899	7.253.688

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Trong đó, máy móc và thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%; hàng hóa, dịch vụ khác tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan (Lãi vay phải trả)	817.873.083	374.519.431
Bà Lê Bích Hạnh	685.918.288	374.519.431
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	131.954.795	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	18.408.643.296	17.598.840.682
Chi phí lãi vay phải trả	4.978.432.675	5.143.330.450
Trích trước chi phí công trình	13.206.346.350	12.027.193.206
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	223.864.271	428.317.026
Cộng	19.226.516.379	17.973.360.113

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng.

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	4.817.376.103	4.639.252.294
Phải trả thù lao HĐQT, BKS	640.225.840	462.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	381.928.018	381.928.018
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	1.654.371.478	1.654.371.478
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.336.171.595	1.336.171.595
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	804.679.172	804.679.172
Công ty TNHH Sản phẩm thép Agrimeco & JFE	-	102.031
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	94.176.731.887	74.562.464.923
Kinh phí công đoàn	1.296.631.537	1.206.364.658
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.907.204.348	1.532.376.326
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	22.782.371.145	8.743.884.795
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	68.190.524.857	63.079.839.144
Cộng	98.994.107.990	79.201.717.217

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	134.400.000.000	134.400.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc - Góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mông	134.400.000.000	134.400.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	18.384.824.000	18.384.824.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân góp vốn tại công ty liên kết:	8.782.710.000	8.782.710.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp 276	2.324.000.000	2.324.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.461.810.000	1.461.810.000
Công ty Cổ phần Đakrông	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	4.196.900.000	4.196.900.000
Phải trả Bà Trần Thị Xuân - Góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mông	7.000.000.000	7.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.552.114.000	2.552.114.000
Cộng	<u>152.784.824.000</u>	<u>152.784.824.000</u>

19. Vay**19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn các bên liên quan</i>	<i>25.500.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Thủy Điện Chi Khê ⁽ⁱ⁾	25.500.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>45.728.506.138</i>	<i>73.257.172.781</i>
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>4.940.714.000</i>	<i>4.940.714.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.19b)</i>	<i>20.350.000.000</i>	<i>24.000.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	20.350.000.000	24.000.000.000
Cộng	<u>96.519.220.138</u>	<u>102.197.886.781</u>

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Các khoản vay Công ty Cổ phần Thủy Điện Chi Khê (bên liên quan) để phục vụ sản xuất kinh doanh và góp vốn vào các dự án đầu tư. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất là 9,9%/năm, thời hạn vay 6 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng hạn mức năm 2022 với mục đích cho vay ngắn hạn, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức cho vay là 690 tỷ VND. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp dây chuyền máy móc thiết bị và 3.780.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đakrông có giá trị tại thời điểm thế chấp là 37.800.000.000 VND. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (iii) Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất bằng lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn bên liên quan</u>	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn các cá nhân</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	-	73.257.172.781	4.940.714.000	24.000.000.000	102.197.886.781
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	34.556.170.564	21.113.057.388	-	-	55.669.227.952
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	-	17.150.000.000	17.150.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(48.641.724.031)	-	(20.800.000.000)	(69.441.724.031)
Giảm do bù trừ công nợ	(9.056.170.564)	-	-	-	(9.056.170.564)
Số cuối kỳ	<u>25.500.000.000</u>	<u>45.728.506.138</u>	<u>4.940.714.000</u>	<u>20.350.000.000</u>	<u>96.519.220.138</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	<u>87.397.904.110</u>	<u>87.397.904.110</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ⁽ⁱ⁾	80.000.000.000	80.000.000.000
Bà Lê Bích Hạnh ⁽ⁱⁱ⁾	7.397.904.110	7.397.904.110
<i>Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<u>1.084.480.955.736</u>	<u>1.077.576.629.836</u>
<i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>46.070.798.602</u>	<u>44.593.138.500</u>
Công ty TNHH Kenle	16.900.000.000	16.900.000.000
Công đoàn Cơ quan Văn phòng Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP	1.256.120.850	1.256.120.850
Ông Nguyễn Trung Hiếu ⁽ⁱⁱ⁾	21.414.677.752	19.937.017.650
Bà Ngô Thị Thanh Thủy ⁽ⁱⁱ⁾	6.500.000.000	6.500.000.000
Cộng	<u>1.217.949.658.448</u>	<u>1.209.567.672.446</u>

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Các khoản vay dài hạn đến hạn trả từ ngày 1 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày tổng hợp trong mục “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn”, số tiền: 118.668.702.712 VND (Số đầu năm: không có)

- (i) Các khoản vay của các tổ chức là bên liên quan, để phục vụ sản xuất kinh doanh và góp vốn vào các dự án đầu tư. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất 7,5%/năm, thời hạn vay là 18 tháng.
- (ii) Các khoản vay dài hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để trả nợ vay ngân hàng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay từ 13 tháng tới 36 tháng tùy từng hợp đồng.
- (iii) **Tại Công ty mẹ:** Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng vay năm 2019 để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Mòng. Thời hạn vay 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 05/9/2019), trong đó thời gian ân hạn gốc tối đa 27 tháng. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả sau + margin 3,5% và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi vay trong thời gian ân hạn được nhập gốc, hết thời gian ân hạn sẽ thanh toán hàng quý. Theo phụ lục hợp đồng ký ngày 03/12/2021, ngày thanh toán gốc đầu tiên là 05/12/2021. Trước hoặc trong ngày hoàn thành xây dựng, khi Dự án chưa phát sinh doanh thu, kỳ hạn trả nợ 03 tháng/lần với số thanh toán tối thiểu là 50.000.000 VND. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản liên quan đến Dự án được hình thành từ vốn vay.
- Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung (Công ty con):** Khoản vay theo hợp đồng dài hạn năm 2015 để thanh toán dư nợ của khoản vay đầu tư dự án Trạm Thủy điện Dốc Cáy tại VDB – Chi nhánh Thanh Hóa. Thời gian vay 120 tháng, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 18 tháng 02 năm 2016. Lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Bên cho vay cộng phí 2%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và các bất động sản khác của Dự án, Công trình Dự án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các Tài khoản, các quyền tài sản và các quyền theo các hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn kiện Dự án; quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng bán điện) của Bên vay liên quan đến Dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi (Công ty con): Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 01/14656488/2021/HĐTD-NGANTRUOI ngày 25 tháng 06 năm 2021. Mục đích sử dụng vốn vay là để trả nợ trước hạn đối với dư nợ vay, số dư L/C Dự Án tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Ba Đình và cho vay để thanh toán các khoản chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ cho việc thực hiện Dự Án (Chi phí khác chi phí VCB đã cấp tín dụng). Trong thời hạn rút vốn, Bên cho vay cấp cho bên vay các khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 405.000.000.000 VND (Bốn trăm linh năm tỷ đồng) (Bao gồm cả lãi vay trong thời gian xây dựng, mở L/C, phát hành bảo lãnh thanh toán) nhưng không được vượt quá 70% Tổng vốn đầu tư được phê duyệt sau VAT của Dự Án. ("Tổng vốn đầu tư được phê duyệt" là tổng vốn đầu tư Dự án sau VAT bằng 578.911.000.000 VND). Thời hạn vay:

- Đối với khoản vay để trả nợ trước hạn khoản vay, số dư L/C Dự án tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình: Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 15/11/2021, nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ thời điểm Dự Án phát sinh doanh thu; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 15/11/2030.
- Đối với phần giải ngân khác mục a nêu trên: Thời hạn vay theo hợp đồng này là 144 tháng kể từ ngày tiếp theo Ngày Giải Ngân Đầu Tiên, trong đó thời hạn ân hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày tiếp theo Ngày Giải Ngân Đầu Tiên nhưng không muộn hơn 03 tháng kể từ ngày Dự án phát điện 4 tổ máy.

Lãi suất cho vay áp dụng cố định 7,6% trong hai năm đầu kể từ ngày Giải Ngân Đầu Tiên, trong thời gian tiếp theo là lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/ lần vào ngày làm việc đầu tiên của Quý I và Quý III hằng năm, được xác định bằng Lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng dân cư 12 tháng trả lãi sau của BIDV cộng với margin 2,6%/năm.

Tài sản đảm bảo gồm:

- Thế chấp quyền sử dụng đất (trường hợp được pháp luật cho phép) và các bất động sản khác của Dự Án, các Công Trình Dự Án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các Tài khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các chấp thuận) và các quyền theo hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn kiện Dự án, quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng bán điện, quyền đòi nợ từ Hợp đồng bán điện) (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của bên Vay liên quan đến Dự Án theo hợp đồng thế chấp bất động sản, Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản.
- Thế chấp toàn bộ cổ phần/ vốn góp của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc.
- Thế chấp toàn bộ cổ phần/vốn góp của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung.
- Thực hiện các biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của bên cho vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

Số cuối kỳ	Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:			
	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm (*)
Vay dài hạn bên liên quan	87.397.904.110	87.397.904.110	-	-
Vay dài hạn ngân hàng	1.104.830.955.736	20.350.000.000	135.545.000.000	948.935.955.736
Vay dài hạn các tổ chức khác	46.070.798.602	31.270.798.602	14.800.000.000	-
Cộng	1.238.299.658.448	139.018.702.712	150.345.000.000	948.935.955.736

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm (*)
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	87.397.904.110	-	87.397.904.110	-
Vay dài hạn ngân hàng	1.101.576.629.836	24.000.000.000	361.393.980.693	716.182.649.143
Vay dài hạn các tổ chức khác	44.593.138.500	-	44.593.138.500	-
Cộng	1.233.567.672.446	24.000.000.000	493.385.023.303	716.182.649.143

(*) Sau ngày hoàn thành xây dựng, khi Dự án Thủy điện Bản Mòng chính thức đi vào vận hành và phát sinh doanh thu, Công ty và Bên cho vay sẽ lập lịch trả nợ cụ thể.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn bên liên quan	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	Cộng
Số đầu năm	87.397.904.110	1.077.576.629.836	44.593.138.500	1.209.567.672.446
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	26.054.325.900	14.800.000.000	40.854.325.900
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(2.000.000.000)	(13.322.339.898)	(15.322.339.898)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(17.150.000.000)	-	(17.150.000.000)
Số cuối kỳ	87.397.904.110	1.084.480.955.736	46.070.798.602	1.217.949.658.448

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	23.933.640.170	20.564.427.493
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.375.944.552	6.208.854.047
Chi quỹ	(2.278.700.000)	(2.839.641.370)
Số cuối kỳ	23.030.884.722	23.933.640.170

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**21a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tổng Công ty liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.630.104.995	2.868.503.113
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(69.213.289)	37.300.815
Số cuối kỳ	2.560.891.706	2.905.803.928

21b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả của Tổng Công ty liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.701.874.849	827.619.768
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(586.016.553)	236.385.918
Số cuối kỳ	3.115.858.296	1.064.005.686

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	215.000.000.000	(54.331.026.750)	59.815.472.860	316.146.914.279	85.292.186.342	621.923.546.731
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	15.789.538.660	1.920.776.994	17.710.315.654
Công ty mẹ trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(1.007.973.947)	-	(1.007.973.947)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.622.900.000)	-	(11.622.900.000)
Số dư cuối kỳ trước	215.000.000.000	(54.331.026.750)	59.815.472.860	319.305.578.992	100.212.963.336	640.002.988.438
Số dư đầu năm nay	215.000.000.000	(54.331.026.750)	66.937.804.283	330.358.670.743	100.738.271.909	658.703.720.185
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	6.999.999.998	6.999.999.998
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	5.229.188.002	2.737.573.765	7.966.761.767
Công ty mẹ trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(1.132.618.269)	-	(1.132.618.269)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	(326.993.655)	(36.332.628)	(363.326.283)
Chia cổ tức	-	-	-	(15.497.200.000)	(450.319.938)	(15.947.519.938)
Nhận chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(1.750.050.219)	(4.306.120.345)	(6.056.170.564)
Số dư cuối năm nay	215.000.000.000	(54.331.026.750)	66.937.804.283	316.880.996.602	105.683.072.761	650.170.846.896

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**22b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	2.128.500	2.128.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.371.500	19.371.500

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2023 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 15.497.200.000
• Trích quỹ khen thưởng	: 1.132.618.269

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**23a. Tài sản nhận giữ hộ**

Là vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của Ban Quản lý Thủy lợi 3 của Bộ Nông nghiệp phục vụ dự án Vân Đình có giá trị sổ sách tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 2.365.327.532 VND, số đầu năm là 2.365.327.532 VND.

23b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	4.593,78	5.715,37
Euro (EUR)	58,27	72,50

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây lắp	48.770.666.252	33.006.623.341
Doanh thu bán điện	86.941.171.383	64.705.374.226
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.186.152.490
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.094.638.073	1.387.388.981
Cộng	138.806.475.708	100.285.539.038

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (cùng kỳ năm trước không phát sinh).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hợp đồng xây lắp	54.672.093.285	37.861.639.190
Giá vốn bán điện	30.620.858.217	21.116.805.476
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	810.325.832
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	41.516.727	76.330.968
Cộng	85.334.468.229	59.865.101.466
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	175.203.752	277.321.057
Lãi tiền cho vay	4.822.158.464	5.811.520.264
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	59.298.697	1.685.873.715
Cộng	5.056.660.913	7.774.715.036
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	23.224.701.616	16.541.060.574
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	10.909.889.812	574.370.000
Chi phí tài chính khác	552.916	549.108
Cộng	34.135.144.344	17.115.979.682
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	11.749.260.305	10.939.957.584
Chi phí vật liệu quản lý	166.356.823	109.181.818
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.669.381	148.463.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	417.253.109	724.522.556
Thuế, phí và lệ phí	2.027.963.850	2.199.709.117
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	11.666.701.746	4.922.686.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.497.124.747	406.055.402
Các chi phí khác	3.150.645.809	2.320.689.204
Cộng	30.813.975.770	21.771.266.010
6. Thu nhập khác		
Thu tiền điện, nước	87.938.556	140.427.074
Thu nhập khác	15.602.031	42.673.233
Cộng	103.540.587	183.100.307

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí điện nước	102.325.497	164.411.922
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	54.554.286	15.721.445
Chi phí khác	8.636.087	800.001
Cộng	165.515.870	180.933.368

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	5.229.188.002	15.789.538.660
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.229.188.002	15.462.545.005
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	19.371.500	19.371.500
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	270	798

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	19.371.500	19.371.500
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.371.500	19.371.500

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.688.880.666	15.137.037.950
Chi phí nhân công	26.635.249.929	21.082.944.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.547.074.218	28.684.563.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.682.594.177	4.934.651.762
Chi phí khác	30.836.556.365	22.888.308.459
Cộng	119.390.355.355	92.727.505.369

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Đồng Tuấn Vũ		
Lãi vay phải trả	-	212.648.696
Bà Lê Bích Hạnh - Bên liên quan của thành viên HĐQT		
Lãi vay phải trả	311.398.857	61.923.182

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Lê Văn An - Chủ tịch HĐQT	335.066.873	120.000.000	455.066.873
Ông Đồng Tuấn Vũ - Thành viên HĐQT (đến ngày 29/6/2023)	-	60.000.000	60.000.000
Ông Đỗ Minh Tiến - Thành viên HĐQT/Phó TGD	182.940.000	60.000.000	242.940.000
Ông Đỗ Mạnh Cường - Thành viên HĐQT/Phó TGD	221.171.877	60.000.000	281.171.877
Ông Lê Tuấn Anh - Thành viên HĐQT/Phó TGD	120.281.874	60.000.000	180.281.874
Ông Lương Công Thuận - Phó Tổng Giám đốc	227.124.091	-	227.124.091
Ông Phạm Bảo Long - Phó TGD	214.758.754	-	214.758.754
Lê Thu Hoài - Phó TGD (từ ngày 8/6/2023)	37.586.182	-	37.586.182
Bà Lê Thị Hằng - Trưởng BKS	64.828.944	60.000.000	124.828.944
Bà Nguyễn Thị Hiền - Thành viên BKS	-	30.000.000	30.000.000
Bà Lê Thu Huyền - Thành viên BKS (đến ngày 29/6/2023)	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Tam - Thành viên BKS (từ ngày 29/6/2023)	-	-	-
Bà Lê Thu Huyền - Kế toán trưởng (từ ngày 12/8/2023)	-	-	-
Bà Trần Thu Thủy - Kế toán trưởng (đến ngày 12/8/2023)	152.912.882	-	152.912.882
Cộng	1.556.671.477	480.000.000	2.036.671.477

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ trước	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Lê Văn An - Chủ tịch HĐQT	323.760.509	120.000.000	443.760.509
Ông Đồng Tuấn Vũ - Thành viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Đỗ Minh Tiến - Thành viên HĐQT/Phó TGĐ	-	60.000.000	60.000.000
Ông Đỗ Mạnh Cường - Thành viên HĐQT/Phó TGĐ	213.728.391	60.000.000	273.728.391
Ông Lê Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	88.917.520	60.000.000	148.917.520
Ông Lương Công Thuấn - Phó TGĐ	219.593.637	-	219.593.637
Ông Phạm Bảo Long - Phó TGĐ	208.988.637	-	208.988.637
Bà Lê Thị Hằng - Trưởng BKS	59.536.304	60.000.000	119.536.304
Bà Nguyễn Thị Hiền - Thành viên BKS	-	30.000.000	30.000.000
Bà Lê Thu Huyền - Thành viên BKS	-	30.000.000	30.000.000
Ông Lê Quang Hưng - Kế toán trưởng (đến ngày 16/2/2022)	43.056.176	-	43.056.176
Bà Trần Thu Thủy - Kế toán trưởng (từ ngày 16/2/2022)	99.330.475	-	99.330.475
Cộng	1.256.911.649	480.000.000	1.328.289.230

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đakrông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Agreensteel-VN	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	Công ty liên kết
	Bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với bên liên quan khác như sau:

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê		
Lãi vay phải thu bên liên quan	4.615.630.884	5.741.641.800
Cho bên liên quan vay	10.000.000.000	-
Lãi vay phải trả của bên liên quan	131.954.795	-
Vay tiền của bên liên quan	25.500.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.16, V.18 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực thủy điện
- Lĩnh vực đầu tư tài chính
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	48.770.666.252	86.941.171.383	-	3.094.638.073	138.806.475.708
Doanh thu đầu tư tài chính	-	-	4.822.158.464	-	4.822.158.464
Giá vốn hàng bán	(54.672.093.285)	(30.620.858.217)	-	(41.516.727)	(85.334.468.229)
Dự phòng đầu tư tài chính	-	-	-	-	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	16.110.155.322	-	16.110.155.322
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(5.901.427.033)	56.320.313.166	20.932.313.786	3.053.121.346	74.404.321.265
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(30.813.975.770)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					43.590.345.495
Doanh thu hoạt động tài chính khác					234.502.449
Chi phí tài chính khác					(34.135.144.344)
Thu nhập khác					103.540.587
Chi phí khác					(165.515.870)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.177.769.814)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					516.803.264

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<u>7.966.761.767</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>4.826.528.268</u>	<u>47.016.379.550</u>	-	-	<u>51.842.907.818</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>11.787.008.870</u>	<u>21.012.145.969</u>	-	<u>747.919.379</u>	<u>33.547.074.218</u>
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	33.006.623.341	64.705.374.226	-	2.573.541.471	100.285.539.038
Doanh thu đầu tư tài chính	-	-	5.811.520.264	-	5.811.520.264
Giá vốn hàng bán	(37.861.639.190)	(21.116.805.476)	-	(886.656.800)	(59.865.101.466)
Dự phòng đầu tư tài chính	-	-	(574.370.000)	-	(574.370.000)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	10.273.377.505	-	10.273.377.505
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>(4.855.015.849)</u>	<u>43.588.568.750</u>	<u>15.510.527.769</u>	<u>1.686.884.671</u>	<u>55.930.965.341</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					<u>(21.771.266.010)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					<u>34.159.699.331</u>
Doanh thu hoạt động tài chính khác					<u>1.963.194.772</u>
Chi phí tài chính khác					<u>(16.541.609.682)</u>
Thu nhập khác					<u>183.100.307</u>
Chi phí khác					<u>(180.933.368)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					<u>(1.674.050.603)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					<u>(199.085.103)</u>
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<u>17.710.315.654</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>4.826.528.268</u>	<u>124.856.390.851</u>	-	-	<u>129.682.919.119</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>9.440.848.399</u>	<u>18.507.607.470</u>	-	<u>736.107.254</u>	<u>28.684.563.123</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>1.546.728.436.474</u>	<u>730.398.373.103</u>	<u>505.332.658.358</u>	<u>2.782.459.467.935</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>67.135.116.008</u>
Tổng tài sản				<u>2.849.594.583.943</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	368.481.735.635	346.430.728.346	150.182.710.000	865.095.173.981
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				1.328.343.755.588
Tổng nợ phải trả				2.193.438.929.569
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.477.070.661.556	812.267.572.131	504.454.713.243	2.793.792.946.930
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				62.601.363.559
Tổng tài sản				2.856.394.310.489
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	275.014.493.171	441.189.984.798	152.734.824.000	868.939.301.969
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				1.322.766.480.857
Tổng nợ phải trả				2.191.705.782.826

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 01 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Lê Văn An

Trần Thu Thủy

